

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 18/6/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hồng Tư

2. Ông Nguyễn Minh Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty D

Địa chỉ: Số X, đường P, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Anh Nguyễn Đình S, chức vụ: Nhân viên (Theo văn bản ủy quyền số 120/2018/GUQ.ADC ngày 10 tháng 12 năm 2018) *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Đoàn Thanh A, sinh năm 1973

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Nơi ở: Ấp Trà Ban 1, xã Châu Hưng A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty D, anh Nguyễn Đình S trình bày: Vào ngày 01/4/2013, Công ty D (sau đây viết tắt là Công ty) và anh Đoàn Thanh A có ký kết hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 100 - CĐMU - HT2013 với nội dung Công ty đầu tư cho anh A vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) để anh A sản xuất nông sản và anh A có trách nhiệm hoàn trả tiền vật tư cho Công ty trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày giao vật tư; trong trường hợp mùa vụ kéo dài thời gian thanh toán có thể gia hạn tối đa thêm 01 tháng (tối đa 05 tháng kể từ ngày giao), anh A phải trả lãi suất trễ hạn cho Công ty là 1,5%/(30 ngày)/tổng nợ. Quá trình thực hiện

hợp đồng, Công ty đã cung cấp các sản phẩm vật tư nông nghiệp gồm giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ... cho anh A để sản xuất nông nghiệp nhưng đến cuối vụ thu hoạch thì anh A không thanh toán hết tiền vật tư mà Công ty đã đầu tư. Tính đến ngày 30/6/2017, theo sổ chi tiết đơn vị mua của công ty có xác nhận của anh A thì tiền vật tư anh A chưa thanh toán cho Công ty là 435.131.903 đồng. Công ty đã nhiều lần yêu cầu anh A thanh toán nợ cho Công ty nhưng anh A cứ hứa hẹn mà không trả. Nay Công ty yêu cầu anh A phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 516.501.568 đồng gồm tiền gốc 435.131.903 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày khởi kiện ngày 01/12/2018 là $435.131.903 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% \times 17 \text{ tháng} = 435.131.903 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 81.369.665 \text{ đồng}$ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh A về việc yêu cầu anh A thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (9%/năm) trên số tiền gốc 435.131.903 đồng, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm mà chỉ yêu cầu anh A thanh toán cho Công ty số tiền gốc 435.131.903 đồng và tiền lãi theo pháp luật quy định là 9%/năm, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày khởi kiện ngày 01/12/2018.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, anh Đoàn Thanh A: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh A đến Tòa án, nhưng anh A không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh A đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với anh A, buộc anh A phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc 435.131.903 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 9%/năm, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với anh A về việc yêu cầu anh A thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (9%/năm) trên số tiền gốc 435.131.903 đồng, kể từ ngày

01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty khởi kiện anh A yêu cầu thanh toán tiền nợ với số tiền 516.501.568 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, khi ký kết hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 100 - CĐMU' - HT2013 ngày 01/4/2013 với Công ty, anh A cung cấp địa chỉ tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi ký kết hợp đồng, anh A chuyển về sinh sống tại địa chỉ ấp T1, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và một thời gian sau, anh A bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống khi chưa thực hiện xong nghĩa vụ với Công ty và không thông báo, công bố công khai địa chỉ hiện nay anh A đang sinh sống, làm việc cho Công ty biết nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, coi như anh A cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh A đã được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu triệu tập hòa giải hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Anh A đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh A vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 100 - CĐMU' - HT2013 vào ngày 01/4/2013, Công ty và anh A có ký kết với nội dung Công ty đầu tư cho anh A vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và anh A có trách nhiệm thanh toán tiền vật tư cho Công ty theo thời hạn thỏa thuận trên hợp đồng là có xảy ra trên thực tế. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo sổ chi tiết đơn vị mua hàng có xác nhận của anh A đã thể hiện tính đến ngày 30/6/2017, anh A còn nợ Công ty số tiền là 435.131.903 đồng; ngoài ra thì không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh kể từ sau ngày 30/6/2017 cho đến nay, anh A có thanh toán tiền mua vật tư nông nghiệp cho Công ty nên có căn cứ xác định hiện nay anh A còn nợ Công ty số tiền gốc 435.131.903 đồng. Việc Công ty yêu cầu anh A thanh toán cho Công ty số tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận nên buộc anh A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền gốc 435.131.903 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Công ty yêu cầu anh A thanh toán khoản tiền lãi của số tiền 435.131.903 đồng theo lãi suất do pháp luật quy định 9%/năm, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/12/2018. Xét thấy, tại hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 100 - CĐMU' - HT2013 vào ngày 01/4/2013, Công ty và anh A có thỏa thuận nội dung anh A phải trả lãi suất trễ hạn cho Công ty với mức lãi suất 1,5%/(30 ngày)/tổng nợ mức nên việc Công ty yêu cầu anh A phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền gốc 435.131.903 đồng với mức lãi suất 9%/năm, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/12/2018 là có căn cứ chấp nhận. Tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/12/2018, là 01 năm 05 tháng nên số tiền lãi

anh A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty là: 435.313.903 đồng x 9%/năm x 01 năm 05 tháng = 55.479.318 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty là: 435.131.903 đồng + 55.479.318 đồng = 490.611.221 đồng.

[5] Tại phiên tòa, Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh A về việc yêu cầu anh A thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (9%/năm) trên số tiền gốc 435.131.903 đồng, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với anh A được chấp nhận nên anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền anh A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty, bằng $5\% \times 490.611.221 \text{ đồng} = 23.624.449 \text{ đồng}$; Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 12.330.031 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013375 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với anh Đoàn Thanh A về việc yêu cầu anh Đoàn Thanh A thanh toán cho Công ty D số tiền vật tư nông nghiệp 435.131.903 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/12/2018.

Buộc anh Đoàn Thanh A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty D số tiền 490.611.221 đồng (bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm hai mươi một đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với anh Đoàn Thanh A về việc yêu cầu anh Đoàn Thanh A thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (9%/năm) trên số tiền gốc 435.131.903 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm lẻ ba đồng), kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với anh Đoàn Thanh A về việc yêu cầu anh Đoàn Thanh A thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (9%/năm) trên số tiền gốc 435.131.903 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm lẻ ba đồng), kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí, anh Đoàn Thanh A phải nộp 23.624.449 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Công ty D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 12.330.031 đồng (mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013375 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên